TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2023/HS-ST
Ngày 24-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liễng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Lợi.

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tố Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, 24 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 130/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Bùi Tấn P, sinh năm 1988 tại tỉnh Quảng Ngãi; thường trú: Thôn L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Phùng Văn C, sinh năm 1965 và bà Bùi Thị D, sinh năm 1967; vợ tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1995; có 01 con, sinh năm 2021; có 01 em ruột, sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 172/2018/HS-ST ngày 26/11/2018, Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ, về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; bị cáo chấp hành xong hình phạt chính ngày 03/02/2020, chấp hành án phí và hình phạt bổ sung ngày 02/01/2019.

Tạm giữ, tạm giam ngày 11/01/2022, có mặt tại phiên tòa.

2/ Trương Minh H, sinh năm 1988 tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: Ấp 5, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Trương Văn C (đã chết) và bà Lê Thị M. sinh năm 1946; bị cáo chưa có vợ, con; có 08 anh chị (không rõ năm sinh); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 86/2009/HS-ST ngày 25/9/2009 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 năm 06 tháng tù, về tội Cướp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 18/4/2014, đóng án phí ngày 15/3/2010.

Tạm giữ, tạm giam ngày 11/01/2022, có mặt tại phiên tòa.

3/ Ngô Khánh L, sinh năm 2001 tại tỉnh Sóc Trăng; thường trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơ me; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 8/12; giới tính: Nam; con ông Ngô Tấn H và bà Lâm Thị T (không rõ năm sinh); vợ tên Lê Thị Phương H1, sinh năm 2001; có 01 con, sinh năm 2020; có 02 em ruột, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam ngày 11/01/2022, có mặt tại phiên tòa.

4/ Lê Thị Phương H1, sinh năm 2001 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: Số 150/5, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: Lớp 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn B (đã chết) và bà Lâm Thị T, sinh năm 1969; chồng tên Ngô Khánh L, sinh năm 2001; có 01 con, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giam ngày 23/8/2022, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1/ Anh Trần Ninh T, sinh năm 1980; thường trú: Tổ 15, khu phố 1, phường X, phường T, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Tổ 9, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

2/ Anh Nguyễn Hoàng Ngọc P, sinh năm 1989 – Chủ hộ kinh doanh L; địa chỉ: Số 2B/46, khu phố 8, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

3/ Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1977 – Chủ hộ kinh doanh 43; địa chỉ: Số 98/3A, khu phố 12, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

4/ Anh Hoàng Đình L1, sinh năm 2000; thường trú: Thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Số 13, đường H, khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

5/ Chị Bùi Huyền A, sinh năm 1982 – Chủ hộ kinh doanh P; địa chỉ: Tổ 15, khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

6/ Anh Lưu Văn T1, sinh năm 1963 – Chủ hộ kinh doanh Lưu Văn T1; địa chỉ: Tổ 8, ấp 6, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

7/ Anh Trần Anh Đ, sinh năm 1988 – Chủ hộ kinh doanh T; địa chỉ: Số 1588, quốc lộ 51, tổ 2, ấp L 3, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Lê Quang N, sinh năm 1993; thường trú: Thôn 2, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: số 989/19/1A, tỉnh lộ 43, khu phố 2, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2/ Anh Kha Văn S, sinh năm 1982; thường trú: Ấp M, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

3/ Anh Não Xuân T2, sinh năm 2000; thường trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt.

4/ Chị Trần Thị Q, sinh năm 1994; thường trú: Thôn 13, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

5/ Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1991; thường trú: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vắng mặt.

6/ Chị Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1984; thường trú: Ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

7/ Anh Phạm Hoài L2, sinh năm 2002; thường trú: Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

8/ Chị Nguyễn Thị Quỳnh N2, sinh năm 1979; thường trú: Số 72, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

9/ Anh Lê Tuấn V, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 13, đường H, khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

10/ Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1990; thường trú: Số 14/39B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

11/ Chị Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1995; thường trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt.

12/ Anh Trần Văn V2, sinh năm 1980; thường trú: Xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; địa chỉ: Tổ 15, khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Tấn P đã từng bị xét xử về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và quen biết với Trương Minh H. Do không có nghề nghiệp, từ tháng 10/2021, P truy cập vào trang mạng xã hội Facebook, tham gia thành viên của nhóm "Hội mua bán xe Lopv", tìm những người đăng bán các loại xe mô tô còn mới, không có giấy chứng nhận đăng ký xe để mua xe với giá rẻ. Quá trình hỏi giá mua xe, P lấy thông tin số khung, số máy, biển số gắn trên xe cần mua rồi nhờ một người phụ nữ tên "Chị 3" (không rõ nhân thân) kiểm tra thông tin xem hiện trạng của xe mô tô cần mua thì đều nhận được kết quả số khung, số máy của xe không trùng với biển số gắn trên xe. Do đó, P biết rõ xe mô tô cần mua là xe do người khác phạm tội mà có và đã được thay biển số giả nên chấp nhận mua.

Sau khi mua được xe, để tiêu thụ dễ dàng với giá cao, P liên hệ, bàn bạc với H thống nhất với H, sau khi P mua được xe thì H có trách nhiệm đi mua các chứng minh nhân dân của người khác ở các tiệm cầm đồ bán lại do khách hàng không đến lấy, rồi thay dán hình của H. Sau đó, P chụp hình thông tin chứng minh nhân

dân giả của H và số khung, số máy, biển số giả gắn trên xe của xe mô tô đã mua gửi qua Zalo cho "Chị 3" để thuê làm giả giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô với giá 1.500.000đ/cái. Sau khi có giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô giả, P giao xe mô tô đã mua cùng giấy chứng nhận đăng kí xe giả cho H để H cùng P mang đến các tiệm cầm đồ nói là chủ xe mô tô để cầm cố. Sau khi cầm cố được xe, H mang tiền về đưa cho P rồi P chia cho H mỗi chiếc xe từ 1.000.000đ đến 3.000.000đ, số tiền còn lại P dùng để chi dùng cho cá nhân. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, để tránh bị phát hiện, H rủ Ngô Khánh L và Lê Thị Phương H1 tham gia với vai trò L, H1 sẽ cung cấp hình ảnh cho H để H dán vào chứng minh nhân dân thu thập được, sau đó sẽ giả làm chủ sở hữu của xe mô tô và mang xe mô tô, giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng kí xe giả đi đến các tiệm cầm đồ để cầm cố, rồi mang tiền về đưa cho H, sau đó H đưa lại cho P chia nhau tiêu xài.

Với phương thức thủ đoạn như trên, quá trình điều tra đã xác định được hành vi phạm tội của Bùi Tấn P và các đồng phạm như sau:

Vụ 1: Vào ngày không rõ thuộc tháng 11/2021, Bùi Tấn P thông qua mạng xã hội liên hệ Giang (không rõ nhân thân) mua xe mô tô hiệu Honda Airbalde, số khung RLHJ4811EZ129989, số máy JF46E6055315, gắn biển số 68N1-432.58 với số tiền 7.500.000đ trước quán cà phê "Dubai" thuộc khu dân cư Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau đó, P liên hệ H cung cấp chứng minh nhân dân đã được dán hình của H có thông tin trong chứng minh là Đinh Hoàng K, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang, liên hệ "Chị 3" làm giả giấy chứng nhận đăng kí xe tên chủ sở hữu là Đinh Hoàng Khan. Tiếp đó, P và H mang xe, chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận đăng kí xe giả đến tiệm cầm đồ "T" do anh Trần Ninh T làm chủ để cầm cố với số tiền 12.000.000đ, H đưa tiền cho P và được P chia cho 1.500.000đ.

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô hiệu Honda Airbalde, số khung RLHJ4811FZ129989, số máy JF46E6055315 có biển số thật 83C1-252.25, là tài sản của anh Đặng Văn H bị mất vào đêm ngày 29/11/2021 tại số 171 tổ 8, khu phố 3, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ngày 09/5/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định khởi tố vụ án "Trộm cắp tài sản".

Vụ 2: Ngày 06/12/2021, P thông qua mạng xã hội liên hệ G (không rõ nhân thân) để mua xe mô tô hiệu Honda Vario, số khung MH1JM5116KL123895, số máy JM51E1123852, biển số 67K1-625.68 giá 18.000.000đ trước quán cà phê "Dubai" thuộc khu dân cư Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau đó, P liên hệ với H cung cấp chứng minh nhân dân đã dán hình của L, có thông tin là Mốs V, sinh năm 1995, hộ khẩu ở ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang, rồi H liên hệ với "Chị 3" làm giả giấy chứng nhận đăng kí xe tên chủ sở hữu là Mốs Vũ. Ngày 07/12/2021, P giao xe và giấy chứng nhận đăng kí xe giả cho H, L mang đi cầm cố tại tiệm cầm đồ Long Phú ở khu phố 8, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, L trực tiếp sử dụng chứng minh nhân dân tên Mốs Vũ đã dán hình của L cầm cố xe cho anh Nguyễn Hoàng Ngọc P với số tiền 22.000.000đ. H mang tiền về đưa lại cho P. H, L được P chia cho 1.500.000đ, L được H chia cho 700.000đ.

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô hiệu Honda Vario số khung MH1JM5116JK123895, số máy JM51E1123852 có biển số thật là 64D1-465.34, là tài sản của chị Nguyễn Thị Thùy Tr bị mất vào khoảng 10 giờ ngày 06/12/2021 tại Siêu thị Go thuộc khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 20/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã Quyết định khởi tố vụ án "Trộm cắp tài sản".

Vụ 3: Ngày 07/12/2021, P thông qua mạng xã hội liên hệ Giang (không rõ nhân thân) mua xe mô tô hiệu Honda loại Vario, số khung MH1JM5117LK719892, số máy JM51E1719606, biển số 94E1-350.27, với số tiền 22.000.000đ trước quán cà phê "Dubai" thuộc khu dân cư Đồng An, phường Bình Hoà, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Sau đó, P liên hệ H cung cấp chứng minh nhân dân có thông tin của anh Lê Chí Hiếu, sinh năm 1998, hộ khẩu Ấp Hòa 1, xã Long Điền, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, rồi liên hệ với "Chị 3" làm giả giấy chứng nhận đăng kí xe tên chủ sở hữu là Lê Chí Hiếu. Ngày 08/12/2021, P giao xe và giấy chứng nhận đăng kí xe giả cho H, L để đem đi cầm cố. Sau đó, H, L mang xe mô tô hiệu Honda Vario, số khung MH1M5117LK719892, số máy JM51E1719606, gắn biển số 94E1-350.27 đến tiệm cầm đồ số 43 thuộc khu phố 3, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, L trực tiếp sử dụng chứng minh nhân dân tên Lê Chí Hiếu đã dán hình của L để giả làm chủ sở hữu mang xe, giấy chứng nhận đăng kí xe giả cầm cố cho chị Nguyễn Thị D được 28.000.000đ, H mang tiền về đưa cho P. P chia cho H, L 2.500.000đ, L được H chia 1.000.000đ.

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô hiệu Honda Vario, số khung MH1JM5117LK719892, số máy JM51E1719606 có biển số thật là 61G1-813.91, là tài sản của Trần Thị Q bị mất vào khoảng 11 giờ ngày 06/12/2021 tại số 13 đường NB6, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Ngày 17/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát Quyết định khởi tố vụ án "Trộm cắp tài sản" số 23/QĐ-CQĐT-CSHS.

Vụ 4: Ngày 21/12/2021, P thông qua mạng xã hội liên hệ Giang (không rõ nhân thân) mua xe mô tô hiệu Suzuki Satria, số khung MH8DL11AZLJ222539, số máy CGA1ID222473, gắn biển số 68K1-520.98 giá 22.000.000đ và Giang giao xe cho P trước quán cà phê "Dubai" thuộc khu dân cư Đồng An, phường Bình Hoà, thành Thuận An, tỉnh Bình Dương. Sau đó P liên hệ H cung cấp chứng minh nhân dân có thông tin của Tống Văn Sơn, sinh năm 1994, hộ khẩu ở khu phố Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, rồi liên hệ với "Chị 3" làm giả giấy chứng nhận đăng kí xe tên chủ sở hữu là Tống Văn Sơn. Cùng ngày 21/12/2021, P, H mang xe mô tô hiệu Suzuki Satria, số khung MH8DL11AZLJ222539, số máy CGA1ID222473, gắn biển số 68K1-520.98 đến tiệm cầm đồ Tuấn Vũ thuộc khu phố Mỹ Khoan, phường Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, H trực tiếp sử dụng chứng minh nhân dân tên Tống Văn Sơn đã dán hình của H để giả làm chủ sở hữu mang xe cầm cho anh Hoàng Đình L1 được 30.000.000đ. P chia cho H 3.000.000đ.

Quá trình điều tra, xác định xe mô tô hiệu Suzuki Satria, số khung MH8DL11AZLJ222539, số máy CGA1ID222473 có biển số thật là 66F1-841.14, là tài sản của anh Phạm Hoài L2 bị mất vào ngày 21/12/2021 tại Công ty ChingFen khu công nghiệp quốc tế Protrade thuộc xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Ngày 02/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát Quyết định khởi tố vụ án "Trộm cắp tài sản" số 21/QĐ-CQĐT-CSHS.

Vụ 5: Ngày 29/12/2021, P thông qua mạng xã hội liên hệ Giang (không rõ nhân thân) mua xe mô tô hiệu Suzuki Raider, số khung RLSDL11ANLV136952, số máy CGA1535669, gắn biển số 66F1-841.14 giá 20.000.000đ và Giang giao xe cho P trước quán cà phê "Dubai" thuộc khu dân cư Đồng An, phường Bình Hoà, thành phố Thuận An. Sau đó, P liên hệ H cung cấp chứng minh nhân dân có thông tin của Trần Minh Nhựt, sinh năm 1995, hộ khẩu ở ấp Phú Lợi A, xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, rồi liên hệ với "Chị 3" làm giả giấy chứng nhận đăng kí xe tên chủ sở hữu là Trần Minh Nhựt. Trong ngày 29/12/2021, P giao xe và giấy chứng nhận đăng kí xe giả cho H, L để giả làm chủ sở hữu mang xe đi cầm cố. H, L mang xe mô tô hiệu Suzuki Raider, số khung RLSDL11ANLV136952, số máy CGA1535669, gắn biển số 66F1-841.14 đến tiệm cầm đồ Tuấn Vũ ở khu phố Mỹ Khoan, phường Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, L trực tiếp sử dụng chứng minh nhân dân đã dán hình của L để giả làm chủ sở hữu mang xe cầm cho anh Hoàng Đình L1 được 25.000.000đ, H mang về đưa cho P. P chia cho H, L số tiền 1.500.000đ, H chia cho L 700.000đ.

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô hiệu Suzuki Raider, số khung RLSDL11ANLV136952, số máy CGA1535669 có biển số thật là 85E1-205.22, là tài sản của anh Não Xuân T2 bị mất vào cuối tháng 12/2021 tại số 9 đường 4C, khu phố 3, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Quyết định khởi tố vụ án "Trộm cắp tài sản" số 258/QĐ.

Vụ 6: Ngày 03/01/2022, P thông qua mạng xã hội liên hệ G (không rõ nhân thân) mua xe mô tô hiệu Honda SH Mode, số khung RLHJF5139GZ33445, số máy JF51E0934446, gắn biển số 74D1-510.58 với giá 27.000.000đ và Giang giao xe cho P trước quán cà phê "Dubai" thuộc khu dân cư Đ, phường B, thành phố T. Sau đó, P liên hệ H cung cấp chứng minh nhân dân có thông tin của Lương Thị S, sinh năm 1996, hộ khẩu ở Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Trị, rồi liên hệ với "Chị 3" làm giả giấy chứng nhận đăng kí xe tên chủ sở hữu là Lương Thị S. Trong ngày 03/01/2022, P giao xe và giấy chứng nhận đăng kí xe giả cho H, Lê Thị Phương H1 để giả làm chủ sở hữu mang xe đi cầm. H, H1 mang xe mô tô Honda loại SH Mode, số khung RLHJF5139GZ33445, số máy JF51E0934446, gắn biển số 74D1-510.58 đến tiệm cầm đồ Phong Đức Phát ở tổ 15, khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, H1 trực tiếp sử dụng chứng minh nhân dân đã dán hình của H1 để giả làm chủ sở hữu mang xe, giấy tờ xe giả cầm cho anh Bùi Huyền A được 35.000.000đ, H mang về đưa cho P. P chia cho H, H1 3.000.000đ, H chia cho H1 1.000.000đ.

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô hiệu Honda SH Mode, số khung RLHJF5139GZ33445, số máy JF51E0934446 có biển số thật là 59U2-160.00, là tài sản của chị Nguyễn Thị Quỳnh N2 bị mất vào khoảng 06 giờ ngày 03/01/2022 tại tiệm Bánh Mì Ơi trên đường B, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định khởi tố vụ án "Trộm cắp tài sản, Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" số 17/QĐ-CSHS.

Vụ 7: Ngày 04/01/2022, P thông qua mạng xã hội liên hệ G (không rõ nhân thân) mua xe mô tô hiệu Honda Sonic, số khung MH1KB1110MK283861, số máy KB11E1279743, gắn biển số 67L2-53569 giá 23.000.000đ và G giao xe cho P tại trước quán cà phê "Dubai" thuộc khu dân cư Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau đó, P liên hệ H cung cấp chứng minh nhân dân có thông tin của Phạm Trần Công, sinh năm 1992, hộ khẩu ở ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, rồi liên hệ với "Chị 3" làm giả giấy chứng nhận đăng kí xe tên Phạm Trần C. P giao xe và giấy chứng nhận đăng kí xe giả cho H, L đi cầm cố. H, L mang xe mô tô hiệu Honda loại Sonic, số khung MIIKB1110MK283861, số máy KB11E1279743, gắn biển số 67L2-53569 đến tiệm cầm đồ Anh Tuấn ở xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, L sử dụng giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Trần Công đã dán hình của L để giả làm chủ sở hữu mang xe, giấy chứng nhận đăng kí xe giả cầm cho anh Lưu Văn T1 được 30.000.000đ, H mang về đưa cho P. P chia cho H 3.000.000đ, H chia cho L 1.500.000đ.

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô hiệu Honda Sonic, số khung MHIKB1110MK283861, số máy KB11E1279743 có biển số thật là 72F1-844.73, là tài sản của chị Nguyễn Thị T2 bị mất khoảng 18 giờ ngày 03/01/2022 tại nhà trọ thuộc tổ 5, khu 4, ấp 8, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 03/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã Quyết định khởi tố vụ án "Trộm cắp tài sản" số 152/QĐ-CQ.CSĐT.

Vụ 8: Ngày 07/01/2022, P thông qua mạng xã hội liên G (không rõ nhân thân) mua xe mô tô hiệu Honda Vision, số khung RLHJF5831LZ001690, số máy JF86E7001557, gắn biển số 83E1-525.89 giá 15.500.000đ và G giao xe cho P tại trước quán cà phê "Dubai" thuộc khu dân cư Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau đó, P liên hệ H cung cấp chứng minh nhân dân có thông tin của Tạ Thanh Đ, sinh năm 1998 hộ khẩu ở Khóm 3, phường 2, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, rồi liên hệ "Chị 3" làm giả giấy chứng nhận đăng kí xe tên chủ sở hữu là Tạ Thanh Đẳng. Trong ngày 07/01/2022, P cùng H mang xe và giấy chứng nhận đăng kí xe giả cùng xe mô tô hiệu Honda loại Vision, số khung RLHJF5831LZ001690, số máy JF86E7001557, gắn biển số 83E1-525.89 đến tiệm cầm đồ Anh Tuấn ở ấp 6, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, H trực tiếp sử dụng chứng minh nhân dân tên Tạ Thanh Đẳng đã dán hình của H để giả làm chủ sở hữu mang xe, giấy chứng nhận đăng kí xe giả cầm cố cho anh Lưu Văn T1 được 20.000.000đ, P chia cho H 1.500.000đ.

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô hiệu Honda Vision, số khung RLHJF5831LZ001690, số máy JF86E7001557 có biển số thật là 68M1-419.03, là

tài sản của anh Kha Văn S bị mất vào khuya ngày 06/01/2022 tại số 178A/1 khu phố 1A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ngày 09/5/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã Quyết định khởi tố vụ án "Trộm cắp tài sản" số 153.

Vụ 9: Ngày 09/1/2022, P thông qua mạng xã hội liên hệ với M (không rõ nhân thân) mua xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150 màu đen, xanh, số khung G3D4E852715, số máy RLCUG1010JY086287, gắn biển số 74E1-526.78 giá 16.000.000đ và M giao xe cho P tại đường QL 1K (trước gara ô tô Công Thành) khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Sau đó, P liên hệ H cung cấp chứng minh nhân dân có thông tin của Lương Thị S, sinh năm 1996, hộ khẩu ở Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị, rồi liên hệ "Chị 3" làm giả giấy chứng nhận đăng kí xe tên chủ sở hữu là Lương Thị S. Ngày 10/01/2022, P giao xe và giấy chứng nhận đăng kí xe giả cho H và H1 mang đi cầm cố. H, H1 mang xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150 màu đen, xanh, số khung G3D4E852715, số máy RLCUG1010JY086287, gắn biển số 74E1-526.78 đến tiệm cầm đồ Trần Đức ở khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, H1 trực tiếp sử dụng chứng minh nhân dân tên Lương Thị S đã dán hình của H1, giả làm chủ sở hữu và mang xe, giấy chứng nhận đăng kí xe giả cầm cố cho anh Trần Anh Đ được 23.000.000đ. H giữ lại 2.000.000đ, mang về đưa cho P 21.000.000đ, P chia cho H 1.500.000đ, H chia cho H1 1.000.000đ.

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô hiệu Yamaha dáng Exciter 150 màu đen, xanh, số khung G3D4E852715, số máy RLCUG1010JY086287 có biển số thật 47F1-485.28, là tài sản của anh Lê Quang N bị mất vào khoảng 14 giờ ngày 09/01/2022 tại số 989/19/1A tỉnh lộ 43, khu phố 2, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã Quyết định khởi tố vụ án "Trộm cắp tài sản" số 226/QĐ.

Vụ 10: Khoảng 08 giờ ngày 10/01/2022, P liên hệ G (không rõ nhân thân) mua xe mô tô hiệu Piaggio Liberty, số khung RP8MA4110LV117354, số máy MA43M5020484 gắn biển số 83E1-526.79 giá 22.000.000đ và G giao xe cho P trước quán cà phê "Dubai" thuộc khu dân cư Đ, phường B, thành phố T. P liên hệ H cung cấp chứng minh nhân dân có thông tin Tạ Thanh Đ, sinh năm 1988, hộ khẩu ở Khóm 3, phường 2, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, rồi liên hệ với "Chị 3" làm giả giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô hiệu Piaggio Liberty, số khung RP8MA4110LV117354, số máy MA43M5020484 gắn biển số 83E1-526.79, tên chủ sở hữu Tạ Thanh Đẳng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, P đưa giấy chứng nhận đăng kí xe giả cho H, rồi cùng H mang xe đến tiệm rửa xe "Rin" ở khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương để rửa xe trước khi mang đi cầm cố. Đến khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, khi P, H đang có mặt tại tiệm rửa xe "Rin" thì bị Công an phường T, thành phố D bắt quả tang cùng tang vật.

Xe mô tô hiệu Piaggio Liberty, số khung RP8MA4110LV117354, số máy MA43M5020484, có biển số thật 61D2-145.90, là tài sản của anh Phạm Văn Đ bị mất cùng với 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu đen, 01 dây chuyền vàng, 01

cặp nhẫn cưới và số tiền 10.000.000đ vào khoảng 02 giờ ngày 10/01/2022 tại số 14/39B Đoàn Thị K, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09 ngày 25/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, kết luận giá trị các tài sản như sau:

+ Xe mô tô hiệu Yamaha dáng Exciter 150 màu đen, xanh, số khung: G3D4E852715, số máy: RLCUG1010JY086287, gắn biển số 74E1-526.78 (có biển số thật là 47F1-485.28), trị giá 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu đồng).

+ Xe mô tô hiệu Honda loại Vision, số khung: RLHJF5831LZ001690, số máy: JF86E7001557, gắn biển số 83E1-525.89 (có biển số thật là 68M1-419.03), trị giá 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu đồng).

+ Xe mô tô hiệu Honda loại Sonic, số khung MHIKB1110MK283861, số máy KB11E1279743, gắn biển số 67L2-53569 (có biển số thật là 72F1-844.73), trị giá 52.000.000 (Năm mươi hai triệu đồng).

+ Xe mô tô hiệu Honda loại SH Mode, số khung: RLHJP5139GZ33445, số máy JF51E0934446, gắn biển số 74D1- 510.58 (có biển số thật là 59U2-160.00), trị giá 43.000.000 (Bốn mươi ba triệu đồng).

+ Xe mô tô hiệu Suzuki loại Raider, số khung RLSDL11ANLV136952, số máy: CGA1535669, gắn biển số 66F1-841.14 (có biển số thật là 85E1-205.22), trị giá 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu đồng).

+ Xe mô tô hiệu Suzuki loại Satria, số khung MH8DL11AZLJ222539, số máy CGA1ID222473, gắn biển số 68K1-520.98 (có biển số thật là 66F1-841.14), trị giá 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng).

+ Xe mô tô hiệu Honda loại Vario, số khung:MH1JM5117LK719892, số máy: JM51E1719606, gắn biển số 94E1-350.27 (có biển số thật là 61G1-813.91), trị giá 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu đồng).

+ Xe mô tô hiệu Honda loại Vario, số khung:MH1JM5116JK123895, số máy: JM51E1123852, gắn biển số 67K1-625.68 (có biển số thật là 64D1-465.34), trị giá 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng).

+ Xe mô tô hiệu Honda loại Airbalde, số khung: RLHJ4811EZ129989, số máy: JF46E6055315, gắn biển số 68N1-432.58 (có biển số thật là 83C1-252.25), trị giá 23.000.000 (Hai mươi ba triệu đồng).

+ Xe mô tô hiệu Piaggio Liberty, số khung: RP8MA4110LV117354, số máy: MA43M5020484 gắn biển số 83E1-526.79 (có biển số thật 61D2-145.90), trị giá 52.000.000 (Năm mươi hai triệu đồng).

* Tại Bản kết luận giám định số 61/KL-PC09 ngày 16/02/2021 và số 24A-SKSM PC09 ngày 28/02/2022 cùng của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận về 10 Giấy chứng nhận đăng kí của xe mô tô, xe máy như sau:

+ Giấy chứng nhận đăng kí của xe mô tô, xe máy số 83003507, loại xe hiệu Piaggio Liberty, số khung: RP8MA4110LV117354, số máy: MA43M5020484 gắn

biển số 83E1 - 526.79 là giả bằng phương pháp in phun màu và số khung, số máy của xe mô tô không đổi.

+ Giấy chứng nhận đăng kí của xe mô tô, xe máy số 74000728, loại xe hiệu Yamaha dáng Exciter 150 màu đen, xanh, số khung: G3D4E852715, số máy: RLCUG1010JY086287, gắn biển số 74E1-526.78 là giả bằng phương pháp in phun màu và số khung, số máy của xe mô tô không đổi.

+ Giấy chứng nhận đăng kí của xe mô tô, xe máy số 83003507, loại xe Vision, số khung: RLHJF5831LZ001690, số máy: JF86E7001557, gắn biển số 83E1-525.89 là giả bằng phương pháp in phun màu và số khung số máy của xe mô tô không đổi.

+ Giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô, xe máy số 67001309, xe loại Sonic, số khung: MH1KB1110MK283861, số máy: KB11E1279743, gắn biển số 67L2-53569 là giả bằng phương pháp in phun màu và số khung, số máy của xe mô tô không đổi.

+ Giấy chứng nhận đăng kí của xe mô tô, xe máy số 74000782, loại xe hiệu Honda loại SH Mode, số khung: RLHJF5139GZ33445, số máy: JF51E0934446, gắn biển số 74D1-510.58 làm giả bằng phương pháp in phun màu và số khung, số máy của xe mô tô không đổi.

+ Giấy chứng nhận đăng kí của xe mô tô, xe máy số 66000167, loại xe hiệu Suzuki loại Raider, số khung: RLSDL11ANLV136952, số máy: CGA1535669, gắn biển số 66F1-841.14 là giả bằng phương pháp in phun màu và số khung, số máy của xe mô tô không đổi.

+ Giấy chứng nhận đăng kí của xe mô tô, xe máy số 68000532, loại xe mô tô hiệu Suzuki loại Satria, số khung: MH8DL11AZLJ222539, số máy: CGA1ID22247, gắn biển số 68K1-520.98 là giả bằng phương pháp in phun màu và số khung, số máy của xe mô tô không đổi.

+ Giấy chứng nhận đăng kí của xe mô tô, xe máy số 94001977, loại xe hiệu Honda loại Vario, số khung: MH1JM5117LK719892, số máy: JM51E179606, gắn biển số 94e1 - 350.27 làm giả bằng phương pháp in phun màu và số khung, số máy xe mô tô không đổi.

+ Giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô, xe máy số 67002638, loại xe Vario, số khung: MH1JM5116JK123895, số máy: JM51E1123852, gắn biển số 67K1-625.68 là giả bằng phương pháp in phun màu và số khung, số máy của xe mô tô không đổi.

+ Giấy chứng nhận đăng kí của xe mô tô, xe máy số 68004229, xe loại hiệu Honda loại Airbalde, số khung: RLHJ481EZ129989, số máy: JF46E6055315, gắn biển số 68N1-432.58 là giả bằng phương pháp in phun màu và số khung, số máy của xe mô tô không đổi.

* Tại Bản kết luận giám định số 222/KL-PC09 ngày 11/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận 03 Chứng minh nhân dân như sau:

"- 03 chứng minh nhân dân gửi giám định có thông tin như sau:

Số 371523450

Họ tên: Tống Văn S, sinh ngày 06/11/1994

Nguyên quán: Huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa

HKTT: KP. Tám Thước, TT.Kiên Lương, H.Kiên Lương, Kiên Giang

Ngày kí: 14/8/2019; Giám đốc Công an tỉnh Kiên Giang Bùi Thuyết Minh kí.

Số 352277528

Họ tên: Mốs Vũ, sinh ngày 25/10/1995

Nguyên quán: Cần Đăng, Châu Thành, An Giang

HKTT: Cần Thạnh, Cần Đăng, Châu Thành, An Giang

Ngày kí: 12/2/2019; Giám đốc Công an tỉnh An Giang Bùi Bé Tư kí.

Số 197401297

Họ tên: Lương Thị S, sinh ngày 08/9/1996

Nguyên quán: Triệu Thành, Triệu Phong, Quảng Trị

HKTT: Tân Đức, Triệu Thành, Triệu Phong, Quảng Trị

Ngày kí: 26/02/2015; Giám đốc Công an tỉnh Quảng Trị Vũ Chiến Thắng kí.

Cả 03 chứng minh nhân dân nêu trên là thật, nhưng đã bị (bóc tách) thay ảnh."

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 51 ngày 18/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng Hình sự thành phố Dĩ An kết luận: "Điện thoại Iphone 11 Promax, màu xanh ngọc trị giá 16.000.000 đồng. Sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,5 chỉ trị giá 5.600.000 đồng; Nhẫn cưới kiểu dạng trơn bằng vàng 18K, trọng lượng 1 chỉ trị giá 7.400.000 đồng."

Vật chứng:

Đối với 10 Giấy chứng nhận đăng ký xe giả, 03 Chứng minh nhân dân, 09 giấy cầm đồ và Chứng minh nhân dân photo thu giữ trong vụ án, do liên quan đến việc phạm tội nên cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với các biển số 83E1-526.79; biển số 74E1-526.78; biển số 83E1-525.89; biển số 67L2-53569; biển số 74D1-510.58; biển số 66F1-841.14; biển số 68K1. 520.98; biển số 94E1-350.27; biển số 67K1-625.68; biển số 68N1-432.58 thu giữ trong vụ án, do các bị cáo sử dụng để gắn vào xe mang đi cầm cố, cần tịch thu, tiêu huỷ.

Đối với xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150, số khung: MH8DL11AZLJ228029, số máy: CGA1ID228010, biển số 66B1-708.92 thu giữ

của Trương Minh H, do bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

Đối với điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max màu đen (Trung Quốc), sim số 0977075997; điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng, gắn sim số 0393325237 thu giữ của bị cáo P; điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu hồng trắng, gắn sim số 0355859215 thu giữ của bị cáo H; điện thoại di động hiệu Huwei màu đen thu giữ của bị cáo L; điện thoại di động hiệu Realme C12 màu xanh thu giữ của bị cáo Hồng, các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước các điện thoại, các số sim tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 20.000.000đ do chị Nguyễn Thị Thanh T3 là vợ của bị cáo Bùi Tấn P tự nguyện nộp khắc phục hậu quả nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Vision, số khung: RLHJF5831LZ001690, số máy: JF86E7001557 có biển số thật là 68M1-419.03, là tài sản của anh Kha Văn S; xe mô tô hiệu Honda Airbalde, số khung RLHJ4811FZ129989, số máy: JF46E6055315 có biển số thật là 83C1-252.25, là tài sản của anh Đặng Văn H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T xử lý theo quy định.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150 màu đen, xanh, số khung: G3D4E852715, số máy: RLCUG1010JY086287 có biển số thật là 47F1-485.28, là tài sản của anh Lê Quang N; xe mô tô hiệu Suzuki Raider, số khung: RLSDL11ANLV136952, số máy: CGA1535669 có biển số thật là 85E1-205.22, là tài sản của anh Não Xuân T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý theo quy định.

Đối với xe mô tô hiệu Suzuki Satria, số khung: MH8DL11AZLJ222539, số máy: CGA1ID222473 có biển số thật là 66F1-841.14, là tài sản của anh Phạm Hoài L2; xe mô tô hiệu Honda Vario, số khung:MH1JM5117LK719892, số máy: JM51E1719606 có biển số thật là 61G1-813.91, là tài sản của chị Trần Thị Q. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, tỉnh Bình Dương xử lý theo quy định.

Đối với xe mô tô hiệu Honda SH Mode, số khung: RLHJF5139GZ33445, số máy: JF51E0934446 có biển số thật là 59U2-160.00, là tài sản của chị Nguyễn Thị Quỳnh N2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Sonic, số khung MHIKB1110MK283861, số máy: KB11E1279743 có biển số thật là 72F1-844.73, là tài sản của Nguyễn Thị T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả cho bà Tới theo quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Vario số khung MH1JM5116JK123895, số máy JM51E1123852 có biển số thật là 64D1-465.34, là tài sản của chị Nguyễn Thị Thùy Tr; xe mô tô hiệu Piaggio Liberty, số khung: RP8MA4110LV117354, số

máy: MA43M5020484, có biển số thật 61D2-145.90, là tài sản của anh Phạm Văn Đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Đối với các chủ tiệm cầm đồ Nguyễn Hoàng Ngọc P, Nguyễn Thị D, Hoàng Đình L1, Bùi Huyền A, Lưu Văn T1, Trần Anh Đ, Trần Ninh T, khi các bị cáo mang chứng minh nhân dân (dán hình ảnh của các bị cáo), giấy chứng nhận đăng ký xe phù hợp với xe mô tô nên đã đồng ý cầm cố. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các chủ tiệm cầm đồ, về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Hoàng Ngọc P là chủ tiệm cầm đồ Long Phú yêu cầu bồi thường số tiền 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng.

Chị Nguyễn Thị D là chủ tiệm cầm đồ "43" yêu cầu bồi thường số tiền 28.000.000 (Hai mươi tám triệu) đồng.

Anh Hoàng Đình L1 là chủ tiệm cầm đồ Tuấn Vũ yêu cầu bồi thường số 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.

Anh Bùi Huyền A là chủ tiệm cầm đồ Phong Đức Phát yêu cầu bồi thường số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

Anh Lưu Văn T1 là chủ tiệm cầm đồ Anh Tuấn yêu cầu bồi thường số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Anh Trần Anh Đ là chủ tiệm cầm đồ Trần Đức yêu cầu bồi thường số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng.

Anh Trần Ninh T là chủ tiệm cầm đồ Thuận Thuỷ yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKS-DA ngày 07 tháng 12 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Bùi Tấn P, Trương Minh H về các tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", theo điểm a khoản 3 Điều 323; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo Ngô Khánh L về các tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", theo điểm a, c khoản 2 Điều 323; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo Lê Thị Phương H1 về các tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", theo điểm a khoản 2 Điều 323; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 55 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Bùi Tấn P từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, tội sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Tổng hợp chung hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành từ 18 năm đến 19 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 55 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trương Minh H từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, tội sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Tổng hợp chung hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành từ 17 năm đến 18 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 323; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 55 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Ngô Khánh L từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, tội sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Tổng hợp chung hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành từ 09 năm đến 10 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 323; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 55 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Thị Phương H1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, tội sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Tổng hợp chung hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành từ 08 năm đến 09 năm 06 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: Xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150, số khung: MH8DL11AZLJ228029, số máy: CGA1ID228010, biển số 66B1-708.92; điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max màu đen (Trung Quốc), điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng; điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu hồng trắng; điện thoại di động hiệu Huwei màu đen; điện thoại di động hiệu Realme C12 màu xanh.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy sim số 0977075997, 0393325237 và 0355859215.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại theo quy định, bị cáo Bùi Tấn P được khấu trừ số tiền 20.000.000đ vào trách nhiệm bồi thường.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và về trách nhiệm dân sự, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị hại chị Nguyễn Thị D yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền đã cầm cố là 28.000.000đ. Về hình phạt của các bị cáo chị Dung không có ý kiến gì.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bị hại anh Lưu Văn T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000đ. Về hình phạt của các bị cáo, anh Thắng không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, các bị hại, các kết quả giám định, định giá và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định:

Bị cáo Bùi Tấn P biết rõ 10 chiếc xe mô tô các loại tổng trị giá là 389.000.000đ là do người khác phạm tội mà có nhưng đồng ý mua với giá rẻ, sau đó bàn bạc, thống nhất cùng với Trương Minh H làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng minh nhân dân, đóng giả làm chủ sở hữu xe rồi mang xe mô tô đến các tiệm cầm đồ để cầm cố xe làm cho chủ tiệm cầm đồ tin và nhận cầm cố nhằm chiếm đoạt số tiền là 245.000.000đ của các bị hại là các chủ tiệm cầm đồ. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 323; điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 06/CT-VKS-DA ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị là đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của bị cáo Bùi Tấn P giao cho H đi mua các chứng minh nhân dân thật tại các tiệm cầm đồ rồi thay hình của H vào, gắn biển số xe giả, chụp thông tin của các xe mô tô để thuê người phụ nữ tên "Chị 3" làm giả giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy với giá 1.500.000đ/cái, cụ thể P và H đã làm giả 10 giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy và 03 Chứng minh nhân dân gắn hình ảnh của H (thu được 01 bản chính), mục đích để các bị cáo thực hiện hành vi

lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 06/CT-VKS-DA ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Bùi Tấn P, Trương Minh H về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp về tội danh, định khung hình phạt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử các bị cáo về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi làm giả Chứng minh nhân dân (chỉ thu được 01 bản gốc), đối với các bản photo thu giữ tại tiệm cầm đồ Cáo trạng của Viện kiểm sát không đề nghị truy tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo Ngô Khánh L biết rõ 04 xe mô tô tổng trị giá là 160.000.000đ là do các bị cáo Bùi Tấn P và Trương Minh H mua lại của người khác do phạm tội mà có nhưng vẫn chấp nhận cung cấp ảnh của mình cho Trương Minh H để làm giả 04 chứng minh nhân dân (thu hồi được 01 bản gốc và 03 bản photo), theo sự chỉ đạo của P, H bị cáo sử dụng chứng minh nhân dân giả, giấy chứng nhận đăng kí xe giả đóng giả làm chủ sở hữu xe mô tô mang xe đến các tiệm cầm đồ làm cho chủ tiệm cầm đồ tin và nhận cầm cố nhằm chiếm đoạt số tiền 105.000.000đ. Hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a, c khoản 2 Điều 323; điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi của bị cáo L sử dụng hình ảnh của mình để dán lên 04 chứng minh nhân dân, tại thời điểm hành vi phạm tội bị phát hiện chỉ thu hồi được 01 bản gốc (*Kết luận giám định thì chứng minh nhân dân là thật, nhưng đã bị thay ảnh*) và 03 bản photo tại các tiệm cầm đồ, tuy nhiên quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị cáo L thừa nhận đã thay hình của bị cáo vào 04 chứng minh nhân dân thật của Mố V, Lê Chí H, Trần Minh N, Phạm Trần C, đồng thời lời khai các bị hại là chủ tiệm cầm đồ xác nhận khi bị cáo L đến cầm cố tài sản thì đều xuất trình bản gốc chứng minh có dán hình của bị cáo, sau khi so sánh đối chiếu mới cầm cố. Việc bị cáo L được bị cáo P và H đưa cho 04 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả có thông tin của chủ sở hữu giống với 04 chứng minh nhân dân bị cáo làm giả để nhằm mục đích gian dối chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi sử dụng giấy tờ giả (giấy chứng nhận đăng ký xe giả) là cách thức, phương tiện để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mục đích cuối cùng của bị cáo là chiếm đoạt được tiền của các bị hại và nếu không sử dụng giấy tờ xe giả đó thì không thực hiện được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Cáo trạng số 06/CT-VKS-DA ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo L về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp về tội danh, khung hình phạt. Đối với hành vi làm giả 03 Chứng minh nhân dân (thu giữ bản photo), Cáo trạng của Viện kiểm sát không đề nghị truy tố nên Hội đồng xét xử không xem xét. Căn cứ vào khoản 2 Điều 298 Bộ luật

Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử bị cáo về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Thị Phương H1 biết rõ 02 xe mô tô tổng trị giá là 78.000.000đ là do Bùi Tấn P và Trương Minh H mua lại của người khác do phạm tội mà có nhưng vẫn chấp nhận cung cấp ảnh của mình cho Trương Minh H để làm giả 01 chứng minh nhân dân, sau đó sử dụng chứng minh nhân dân giả, giấy chứng nhận đăng kí xe giả để đóng giả làm chủ sở hữu mang xe mô tô đến các tiệm cầm đồ làm cho chủ tiệm cầm đồ tin và nhận cầm cố mục đích chiếm đoạt 78.000.000đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 323; điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của bị cáo Hồng sử dụng hình ảnh của mình để làm giả chứng minh nhân dân và việc bị cáo được bị cáo P, H đưa cho 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả có thông tin của chủ sở hữu giống với chứng minh nhân dân bị cáo làm giả để nhằm mục đích gian dối chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi sử dụng giấy tờ giả (giấy chứng nhận đăng ký xe giả) là cách thức, phương tiện để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mục đích cuối cùng của bị cáo là chiếm đoạt được tiền của các bị hại và nếu không sử dụng giấy tờ xe giả đó thì không thực hiện được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Cáo trạng số 06/CT-VKS-DA ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Hồng về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp về tội danh, khung hình phạt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử bị cáo về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo Bùi Tấn P, Trương Minh H thực hiện là rất nghiêm trọng; hành vi của các bị cáo Lê Thị Phương H1 và Ngô Khánh L là nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ; xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội, trật tự quản lý hành chính; ảnh hưởng đến sự hoạt động bình thường và uy tín của Cơ quan, tổ chức, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, công dân. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến tính chất, mức độ tội phạm các bị cáo đã thực hiện, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo để quyết định mức hình phạt cho phù hợp.

[4] Trong vụ án có đồng phạm, bị cáo Bùi Tấn P là người đề xuất chủ động tìm mua các xe mô tô trên mạng, sau đó bị cáo bàn bạc cùng với H làm giả các giấy tờ rồi cùng với H, L, H1 đi đến các tiệm cầm đồ để cầm cố xe nhằm chiếm

đoạt tài sản; giữa các bị cáo có phân công vai trò cụ thể, có sự câu kết chặt chẽ với nhau trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tham gia với vai trò thực hành.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên; các bị cáo P, H phạm tội có tổ chức; bị cáo H, P không có nghề nghiệp chỉ trong một thời gian ngắn từ tháng 11/2021 đến tháng 01/2022 các bị cáo đã cùng nhau chiếm đoạt tài sản trên 05 lần trở lên đồng thời lấy số tiền chiếm đoạt được làm nguồn sống chính cho bản thân. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình tố tụng, các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Tấn P có ông ngoại là người có công với cách mạng; vợ bị cáo P đã tự nguyện khắc phục 01 phần thiệt hại nên được xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[7] Về nhân thân: Bị cáo Bùi Tấn P, Trương Minh H đã từng bị xét xử; các bị cáo L, H1 có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo L, H1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn, quá trình chung sống các bị cáo có con chung hiện nay còn nhỏ nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[8] Trách nhiệm dân sự: Quá trình tố tụng các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường, cụ thể: Anh Hoàng Ngọc P yêu cầu số tiền 22.000.000đ; chị Nguyễn Thị D yêu cầu số tiền 28.000.000đ; anh Hoàng Đình L1 yêu cầu số tiền 55.000.000đ; chị Bùi Huyền A yêu cầu 35.000.000đ; anh Lưu Văn T1 yêu cầu số tiền 50.000.000đ; anh Trần Anh Đ yêu cầu số tiền 23.000.000đ; anh Trần Ninh T yêu cầu số tiền 12.000.000đ. Xét yêu cầu của các bị hại là do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, tại phiên tòa các bị cáo đồng ý có trách nhiệm cùng nhau bồi thường cho các bị hại, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Xử lý vật chứng: Xét các biển số 83E1-526.79; biển số 74E1-526.78; biển số 83E1-525.89; biển số 67L2-53569; biển số 74D1-510.58; biển số 66F1-841.14; biển số 68K1. 520.98; biển số 94E1-350.27; biển số 67K1-625.68; biển số 68N1-432.58 thu giữ trong vụ án, do các bị cáo sử dụng để gắn vào các xe mô tô mang đi cầm cố; các sim số 0977075997, 0393325237, 0355859215 hiện không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Xét xe mô tô Suzuki Satria F150, số khung: MH8DL11AZLJ228029, số máy: CGA1ID228010, biển số 66B1-70892 là tài sản của bị cáo Trương Minh H, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Xét điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max màu đen (Trung Quốc); điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng, thu giữ của bị cáo P; điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu hồng trắng, thu giữ của bị cáo H; điện thoại di động hiệu Huwei màu đen thu giữ của bị cáo L; điện thoại di động hiệu Realme C12 màu xanh thu giữ của bị cáo Hồng, các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Xét số tiền 20.000.000đ do chị Nguyễn Thị Thanh T3 là vợ của bị cáo Bùi Tấn P nộp khắc phục 01 phần thiệt hại cho bị cáo P cần tuyên khấu trừ vào phần trách nhiệm dân sự bị cáo P có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại.

[10] Đối với xe mô tô hiệu Honda Vision, số khung: RLHJF5831LZ001690, số máy: JF86E7001557 có biển số thật là 68M1-419.03, là tài sản của anh Kha Văn S; xe mô tô hiệu Honda Airbalde, số khung RLHJ4811FZ129989, số máy: JF46E6055315 có biển số thật là 83C1-252.25, là tài sản của anh Đặng Văn Hiếu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An xử lý theo quy định.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150 màu đen, xanh, số khung: G3D4E852715, số máy: RLCUG1010JY086287 có biển số thật là 47F1-485.28, là tài sản của anh Lê Quang N; xe mô tô hiệu Suzuki Raider, số khung: RLSDL11ANLV136952, số máy: CGA1535669 có biển số thật là 85E1-205.22, là tài sản của anh Não Xuân T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý theo quy định.

Đối với xe mô tô hiệu Suzuki Satria, số khung: MH8DL11AZLJ222539, số máy: CGA1ID222473 có biển số thật là 66F1-841.14, là tài sản của anh Phạm Hoài L2; xe mô tô hiệu Honda Vario, số khung:MH1JM5117LK719892, số máy: JM51E1719606 có biển số thật là 61G1-813.91, là tài sản của chị Trần Thị Q. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử lý theo quy định.

Đối với xe mô tô hiệu Honda SH Mode, số khung: RLHJF5139GZ33445, số máy: JF51E0934446 có biển số thật là 59U2-160.00, là tài sản của chị Nguyễn Thị Quỳnh N2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Sonic, số khung MHIKB1110MK283861, số máy: KB11E1279743 có biển số thật là 72F1-844.73, là tài sản của Nguyễn Thị T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả cho bà T2 theo quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Vario số khung MH1JM5116JK123895, số máy JM51E1123852 có biển số thật là 64D1-465.34, là tài sản của chị Nguyễn Thị Thùy Tr; xe mô tô hiệu Piaggio Liberty, số khung: RP8MA4110LV117354, số máy: MA43M5020484, có biển số thật 61D2-145.90, là tài sản của anh Phạm Văn Đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với 03 chứng minh nhân dân giả và 10 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy giả thu giữ của các bị cáo là chứng cứ cần lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

[14] Đối với người tên G, M, Chị 3 hiện chưa rõ nhân thân, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[15] Như đã phân tích ở trên quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp 01 phần nên chấp nhận.

[16] Đối với hành vi làm giả 02 Chứng minh nhân dân tên Đinh Hoàng Khan, Tạ Thanh Đẳng của các bị cáo Bùi Tấn P, Trương Minh H; 03 chứng minh nhân dân tên Lê Chí H, Trần Minh N, Phạm Trần C của bị cáo Ngô Khánh L, tại thời điểm hành vi phạm tội bị phát hiện, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An chỉ thu được các Giấy chứng minh nhân dân trên là bản photo tại các tiệm cầm đồ. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị cáo thừa nhận đã bóc tách ảnh từ chứng minh nhân dân thật để dán hình của các bị cáo vào các chứng minh nhân dân trên, từ đó có căn cứ xác định cơ quan tiến hành tố tụng đã bỏ lọt hành vi phạm tội của các bị cáo. Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An xem xét truy tố. Tuy nhiên, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm không xem xét hành vi làm giả đối với các giấy tờ giả là các bản photo. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An khởi tố xử lý các bị cáo đối với các chứng minh nhân dân là bản photo.

[17] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố các bị cáo Bùi Tấn P, Trương Minh H, Ngô Khánh L và Lê Thị Phương H1 phạm các tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức.

II. Áp dụng hình phạt.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Tấn P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Tấn P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Tấn P 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp chung hình phạt của 03 tội buộc bị cáo Bùi Tấn P phải chấp hành là 18 (mười tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2022.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Minh H 07 (bảy) năm tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Minh H 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Minh H 03 (ba) năm tù.

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp chung hình phạt của 03 tội buộc bị cáo Trương Minh H phải chấp hành là 17 (mười bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2022.

3. Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Khánh L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Khánh L 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp chung hình phạt của 03 tội buộc bị cáo Ngô Khánh L phải chấp hành là 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2022.

4. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Phương H1 03 (ba) năm tù.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Phương H1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù.

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp chung hình phạt của 03 tội buộc bị cáo Lê Thị Phương H1 phải chấp hành là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2022.

III. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 468, 584, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 19/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Buộc bị cáo Bùi Tấn P, Trương Minh H và Ngô Khánh L có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng Ngọc P 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng, chị Nguyễn Thị D 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng, anh Hoàng Đình

L1 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, anh Lưu Văn T1 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

- Buộc bị cáo Bùi Tấn P, Trương Minh H và Lê Thị Phương H1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Bùi Huyền A 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng, anh Trần Anh Đ 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng.

- Buộc các bị cáo Bùi Tấn P và Trương Minh H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Trần Ninh T 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, anh Hoàng Đình L1 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, anh Lưu Văn T1 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Bị cáo Bùi Tấn P được khấu trừ 20.000.000 (hai mươi triệu) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An (đã chuyển vào tài khoản ngân hàng theo Lệnh thanh toán ngày 03/3/2023).

Kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

IV. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy các biển số 83E1-526.79; biển số 74E1-526.78; biển số 83E1-525.89; biển số 67L2-535.69; biển số 74D1-510.58; biển số 66F1-841.14; biển số 68K1. 520.98; biển số 94E1-350.27; biển số 67K1-625.68; biển số 68N1-432.58 và các sim số 0977075997, 0393325237, 0355859215;

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max màu đen (Trung Quốc); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu hồng trắng; 01 điện thoại di động hiệu Huwei màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Realme C12 màu xanh; 01 xe mô tô hiệu Suzuki loại Satria F150, số khung MH8DL11AZLJ228029, số máy CGA1ID228010 biển số 66B1-708.92.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

V. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Bùi Tấn P, Trương Minh H, Lê Thị Phương H1 và Ngô Khánh L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo Bùi Tấn P, Trương Minh H và Lê Thị Phương H1 liên đới nộp 3.900.000 (ba triệu chín trăm nghìn) đồng án phí dân sự bồi thường.

- Các bị cáo Bùi Tấn P, Trương Minh H và Ngô Khánh L liên đới nộp 5.250.000 (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự bồi thường.

- Các bị cáo Bùi Tấn Phi và Trương Minh H liên đới nộp 3.100.000 (ba triệu một trăm nghìn) đồng án phí dân sự bồi thường.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo (04);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- Công an thành phố Dĩ An (01);
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Phòng PV 06 (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi cư trú của bị cáo (04);
- Người tham gia tố tụng (19);
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Liễng